



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

CHINESE HISTORICAL AND CULTURAL PLACES IN NGUYEN DU'S POETRY COLLECTION *TRAVELS TO THE NORTH*

Le Xuan Khai*

Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 05 June 2025

Revised 17 September 2025; Accepted 27 October 2025

Abstract: *Travels to the North* 《北行雜錄》 is a masterpiece of Chinese poetry by the great poet Nguyen Du, composed between 1813 and 1814 when he was an envoy to China. Many of Chinese places in this poetry collection were not simply geographical markers, but also markers of cultural space, historical space and the poet's mental space. The article focuses on deeply analyzing the role and multidimensional significance of Chinese historical and cultural sites in *Travels to the North*, explaining that this is not only a narrative context but also a space for Nguyen Du to express his deep thoughts and contemplation about history, culture, and human fate in the fluctuating period of time. Besides, decoding Chinese place names that were not included in Nguyen Du's itinerary on his trip to China but appeared frequently in the poetry collection will contribute to shaping a new concept of geographical space in literature. Decoding these “codes” helps to clarify his views on history, on the rise and fall of scholars, on the fate of scholars and the tragedy of talent in the literary career. The article aims to affirm that the study of place names is an important and effective approach to more comprehensively understand the value of *Travels to the North* as well as the cultural exchange between Vietnam and China in the medieval period. Furthermore, it highlights his uniqueness and contributions to the genre of Chinese poetry in Vietnamese literature.

Keywords: poetry of the envoy, Nguyen Du, *Travels to the North*, historical and cultural places

* Corresponding author.

Email address: khailx@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5544>

NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH LỊCH SỬ VĂN HÓA TRUNG QUỐC TRONG TẬP THƠ ĐI SỨ *BẮC HÀNH TẬP LỤC* CỦA NGUYỄN DU

Lê Xuân Khai

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 05 tháng 6 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: *Bắc hành tập lục* 《北行雜錄》 là một kiệt tác thơ chữ Hán của đại thi hào Nguyễn Du được sáng tác trong thời gian từ năm 1813 - 1814 khi ông làm chánh sứ sứ đoàn triều Nguyễn đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc). Sự xuất hiện dày đặc của các địa danh gắn liền với lịch sử và văn hóa Trung Quốc không đơn thuần là những dấu mốc địa lý, mà còn là những dấu mốc không gian văn hóa, không gian lịch sử và không gian tâm tưởng của thi nhân. Bài viết tập trung phân tích vai trò và ý nghĩa đa chiều của các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tập lục*, luận giải đây không chỉ là không gian địa lý mà còn là những không gian ký thác tâm sự, chiêm nghiệm sâu sắc của Nguyễn Du về lịch sử, văn hóa Trung Hoa, về lẽ hưng vong, về thân phận kẻ sĩ trước những biến động của thời cuộc. Nhìn từ góc độ địa danh lịch sử văn hóa, các địa danh Trung Quốc trong *Bắc hành tập lục* giống như những “mật mã”, việc giải mã các địa danh Trung Quốc nằm trong lộ trình đi sứ của sứ đoàn nói chung và những địa danh vốn không nằm trong lịch trình nhưng lại xuất hiện nhiều trong tập thơ sẽ góp phần định hình một khái niệm mới về không gian địa lý trong văn học. Qua đó, bài viết hướng đến việc khẳng định nghiên cứu địa danh là một hướng tiếp cận quan trọng và hiệu quả để hiểu một cách toàn diện hơn giá trị của *Bắc hành tập lục* cũng như sự giao lưu văn hóa Việt Nam và Trung Quốc ở thời trung đại.

Từ khóa: thơ đi sứ, Nguyễn Du, *Bắc hành tập lục*, địa danh lịch sử văn hóa

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Du (1765-1820) nổi tiếng với kiệt tác *Truyện Kiều*, nhưng mảng thơ chữ Hán đồ sộ cũng khẳng định vị trí đỉnh cao của ông trong lịch sử văn học nước nhà. Mảng thơ chữ Hán của ông bao gồm ba tập chính: *Thanh Hiên thi tập* 淸軒詩集 (78 bài); *Nam trung tạp ngâm* 南中雜吟 (40 bài) và đặc biệt là *Bắc hành tập lục* 北行雜錄 (132 bài), cùng một số bài thơ khác. Các tác phẩm này không chỉ phản ánh một cách chân thực và sâu sắc những biến động của thời đại mà thi nhân đang sống, những trải nghiệm cá nhân mà còn là nơi Nguyễn Du ký thác những trăn trở triết học về nhân sinh, những nỗi niềm ưu thời mẫn thế và một tấm lòng nhân đạo bao la.

Trong số các tác phẩm chữ Hán, *Bắc hành tập lục* 北行雜錄 nổi lên như một tập nhật ký thơ độc đáo, ghi lại những trải nghiệm, suy tư và cảm xúc của Nguyễn Du trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc từ năm 1813-1814 với tư cách là chánh sứ dẫn đầu phái đoàn của triều Nguyễn sang triều Thanh (Trung Quốc). Với tổng số 132 bài thơ chữ Hán, *Bắc hành tập lục* ghi lại một cách sinh động hành trình vạn dặm qua các vùng đất Trung Hoa rộng lớn. Từ những quan sát về phong cảnh, đời sống nhân dân đến những suy tư, chiêm nghiệm sâu sắc trước các di tích lịch sử, văn hóa và số phận của các nhân vật lịch sử đều được Nguyễn Du ký thác bằng thơ.

Một trong những yếu tố nổi bật và xuyên suốt *Bắc hành tập lục* chính là sự xuất hiện và

vai trò đặc biệt của các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc. Từ những dãy núi, dòng sông hùng vĩ đến những đền đài, lăng mộ cổ kính, mỗi địa danh đi qua không chỉ là một điểm dừng chân trên hành trình vạn dặm mà còn trở thành một điểm tựa để Nguyễn Du hồi tưởng quá khứ, chiêm nghiệm hiện tại và ký thác những tâm sự sâu kín. Sự phong phú của các địa danh trong tập thơ không chỉ thể hiện vốn kiến văn uyên bác của nhà thơ mà còn cho thấy một sự chủ động lựa chọn, một ý đồ nghệ thuật rõ ràng. Các địa danh như: Lầu Hoàng Hạc, sông Mịch La, mộ Đỗ Phủ, Dương Phi cô lý... không còn là những tên gọi thuần túy mà đã được Nguyễn Du thổi vào đó những tầng sâu ý nghĩa, biến chúng thành những biểu tượng, những không gian mang tính đối thoại và chiêm nghiệm. Việc làm sáng tỏ cách Nguyễn Du đã "đọc" và "viết" lại các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc sẽ góp phần quan trọng vào việc hiểu sâu hơn không chỉ giá trị của *Bắc hành tạp lục* mà còn cả tầm vóc tư tưởng và chiều sâu tâm hồn của Đại thi hào Nguyễn Du. Chính vì lẽ đó, thông qua khảo sát các địa danh lịch sử văn hóa, bài viết sẽ tập trung phân tích vai trò và ý nghĩa của các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục*, xem chúng như một không gian ký thác tâm sự và chiêm nghiệm đặc biệt của nhà thơ, qua đó góp phần làm phong phú thêm những nghiên cứu về một trong những tác phẩm quan trọng nhất của văn học Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu về *Bắc hành tạp lục*

Trong giới học thuật Việt Nam, *Bắc hành tạp lục* thường được xem là bộ phận quan trọng trong di sản thơ chữ Hán của Nguyễn Du, cùng với *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm*. Nhiều công trình đã tập trung vào các phương diện như: giá trị nội dung và tư tưởng; đặc điểm nghệ thuật... Ở góc độ giá trị nội dung tư tưởng của tập thơ, các học giả như Trần Đình Sử, Nguyễn Huệ Chi, Trần Nho Thìn, Nguyễn Thị Nương... đều khẳng định *Bắc hành tạp lục* là sự kết hợp giữa cái nhìn hiện thực lịch sử với tâm thức nhân đạo chủ nghĩa. Các bài viết nhấn mạnh cảm hứng trước các địa danh gắn với nhân vật lịch sử Trung Hoa, qua đó bộc lộ tâm lòng đồng cảm với những kiếp người tài hoa bạc mệnh. Tác giả Nguyễn Huệ Chi trong cuốn sách *Nguyễn Du toàn tập* đã nhận định về *Bắc hành tạp lục* như sau: "*Bắc hành tạp lục không chỉ ghi lại hành trình đi sứ, mà còn là một thiên ký sự bằng thơ*", qua đó phản ánh cái nhìn lịch sử và tâm thế thời đại của Nguyễn Du, đồng thời thể hiện tấm lòng đồng cảm rộng lớn vượt qua biên giới quốc gia" (1996, tr. 25). Trên phương diện tư tưởng, Trần Đình Sử khẳng định đây là tập thơ mà "*tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa của Nguyễn Du đạt đến độ chín*" (2007, tr. 210), bởi việc tưởng niệm các nhân vật lịch sử đã trở thành cách ông gửi gắm niềm cảm thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh. Dưới góc độ văn hóa học, Trần Nho Thìn xem *Bắc hành tạp lục* như một "*minh chứng sinh động cho sự giao lưu văn hóa Việt – Trung, trong đó Nguyễn Du không chỉ tiếp thu truyền thống thơ ca Trung Hoa mà còn khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trong tương quan khu vực*" (2010, tr. 305). Ở góc nhìn giá trị nghệ thuật của tập thơ, Nguyễn Thị Nương cho rằng: "*Hệ thống thơ tự thuật ở Bắc hành tạp lục cho ta thấy có sự biến đổi sâu sắc trong tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Du*" (2007, tr. 39).

Có thể thấy, các công trình trên đã nhấn mạnh giá trị nhân đạo, tính giao lưu văn hóa và cảm hứng hoài cổ trong *Bắc hành tạp lục*. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu vẫn thiên về khái quát, chưa khai thác toàn diện hệ thống hình tượng địa danh, cũng như chưa đặt tập thơ trong bối cảnh so sánh rộng hơn với thơ đi sứ của các sứ thần Việt Nam khác hay của khu vực Đông Á. Đây chính là khoảng trống mà những nghiên cứu tiếp theo có thể tiếp tục bổ sung.

Về tình hình nghiên cứu *Bắc hành tạp lục* ở nước ngoài, ở Trung Quốc, một số công trình trong lĩnh vực giao lưu văn hóa Việt – Trung có nhắc đến *Bắc hành tạp lục* như một minh chứng tiêu biểu cho văn học đi sứ Việt Nam thời Nguyễn. Học giả Lý Tu Chương (李修章,

1991) trong bài viết về *Cảm nhận khi đọc tập thơ Bắc hành tạp lục của thi nhân Việt Nam Nguyễn Du* cho rằng tập thơ của Nguyễn Du đã góp phần phản ánh sự ngưỡng vọng và đối thoại văn hóa của trí thức Việt với truyền thống Hán học. Ngoài ra, một số nghiên cứu ở tạp chí *Giảng dạy Hán ngữ quốc tế* (国际汉语教学) nhấn mạnh việc sử dụng *Bắc hành tạp lục* như một tài liệu tham khảo cho giảng dạy văn hóa Việt Nam trong môi trường Hán ngữ quốc tế. Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... vẫn còn khá ít công trình trực tiếp nghiên cứu tập thơ này. Các học giả quốc tế khi nghiên cứu Nguyễn Du thường tập trung vào *Truyện Kiều*; thơ chữ Hán nói chung và *Bắc hành tạp lục* nói riêng mới chỉ được đề cập rải rác, chưa có chuyên khảo hệ thống.

Có thể thấy, *Bắc hành tạp lục* đã được nhiều học giả trong nước quan tâm, chủ yếu dưới góc độ nội dung tư tưởng, phong cách nghệ thuật và giá trị nhân đạo. Một số công trình ngoài nước đề cập đến tập thơ nhưng mới ở mức khái quát. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu *Bắc hành tạp lục* vẫn còn tiềm năng lớn, vừa để bổ sung hiểu biết toàn diện hơn về Nguyễn Du, vừa để khẳng định vai trò của văn học trung đại Việt Nam trong dòng chảy khu vực và thế giới.

3. Khảo sát địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục*

3.1. Lộ trình đi sứ Trung Quốc (1813-1814) của sứ đoàn triều Nguyễn do Nguyễn Du làm chánh sứ

Vấn đề bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như các chuyến đi sứ Trung Quốc của các sứ đoàn Việt Nam đã được ghi chép rải rác ở nhiều tài liệu khác nhau. Trong cuốn *Đại Nam thực lục* có viết về vấn đề bang giao với Trung Quốc của các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong cuốn *Việt Nam sử lược* của tác giả Trần Trọng Kim cũng nhắc đến quan hệ bang giao Việt - Trung và chuyến đi sứ năm 1813 do Nguyễn Du làm chánh sứ. Đặc biệt, tác giả Nguyễn Văn Hoàn trong bài viết *Giới thiệu một số tư liệu về Nguyễn Du mới sưu tầm được ở Trung Quốc* đăng trên *Tạp chí văn học*, số 11 năm 1964 đã căn cứ vào 21 tài liệu khác nhau để cập nhật lộ trình đi sứ của sứ đoàn nhà Nguyễn do Nguyễn Du làm chánh sứ như sau:

- Ngày 6/2 Quý Dậu (1813): đi qua cửa Nam Quan
- Ngày 8/4 Quý Dậu (1813): đến Ninh Minh Châu
- Ngày 2/5 Quý Dậu (1813): đến thành phủ Ngô Châu
- Ngày 5/6 Quý Dậu (1813): đến Quế Lâm, tỉnh lỵ Quảng Tây
- Ngày 18/7 Quý Dậu (1813): từ Toàn Châu đến Trường Sa, tỉnh lỵ Hồ Nam
- Ngày 27/7 Quý Dậu (1813): đến địa phận huyện Gia Ngư tỉnh Hồ Bắc
- Ngày 30/7 Quý Dậu (1813): đến Vũ Xương, tỉnh lỵ Hồ Bắc
- Ngày 9/8 Quý Dậu (1813): từ Hán Khẩu ra đi
- Ngày 22/8 Quý Dậu (1813): đi khỏi địa phận huyện An Dương, tỉnh Hà Nam
- Ngày 21/9 Quý Dậu (1813): đến trạm Từ Châu, tỉnh Trục Lệ, sau đó qua Bảo Định để lên Bắc Kinh
- Ngày 4/10 Quý Dậu (1813): tới Bắc Kinh
- Ngày 24/10 Quý Dậu (1813): từ Bắc Kinh khởi hành về nước
- Ngày 2/11 Quý Dậu (1813): về đến châu thành Cảnh Châu thuộc tỉnh Trục Lệ sau đó qua Đức Châu, tỉnh Sơn Đông, rồi đi qua tỉnh An Huy mà xuống Hồ Bắc
- Ngày 11/12 Quý Dậu (1813): đến Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc
- Ngày 25/12 Quý Dậu (1813): từ huyện Gia Ngư Hồ Bắc đi đến huyện Lâm Tương tỉnh Hồ Nam

Ngày 30/1 Giáp Tuất (1814): đến huyện Kỳ Dương tỉnh Hồ Nam

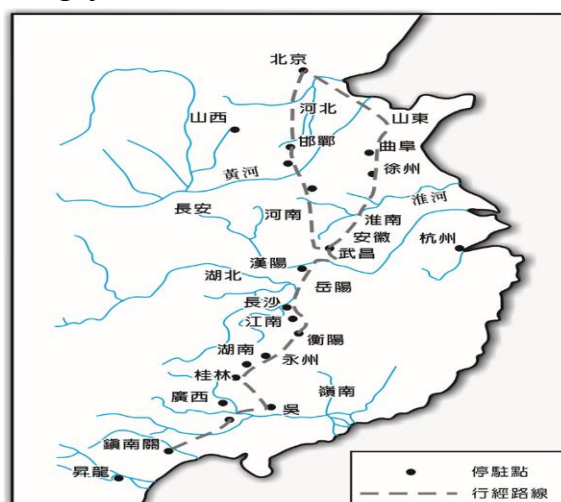
Ngày 12/2 Giáp Tuất (1814): đến Toàn Châu tỉnh Quảng Tây

Ngày 4/2 nhuận Giáp Tuất (1814): đến Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây

Ngày 29/3 Giáp Tuất (1814): về qua Nam Quan (Lạng Sơn)

Tác giả Đào Duy Anh trong cuốn *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* cũng nhắc đến nhiều nơi mà Nguyễn Du và sứ đoàn đi qua như sau: “*Thăng Long, Nam Quan, Quảng Tây, Quế Lâm, Toàn Châu, Hồ Nam, Lô Châu, Hành Dương, Giang Nam, Trường Sa, Tương Âm, Nhạc Dương, Hán Dương, Võ Xương, Hứa Đô, Nghiệp, Hàm Đan, Tấn Dương, Yên Kinh, Sơn Đông, Khúc Phụ, Từ Thủy, Từ Châu, Hoài Nam, An Huy, Võ Xương, Lâm An (Hàng Châu), Quế Lâm, Quảng Tây, Nam Quan*” (1988, tr. 216).

Căn cứ vào tài liệu lịch sử của nhà sử học Nguyễn Văn Hoàn và nhà nghiên cứu văn học Đào Duy Anh, căn cứ vào những địa danh được nhắc đến trong *Bắc hành tạp lục*, để có thể hình dung rõ hơn về lộ trình của Nguyễn Du cũng như làm căn cứ đối chiếu những địa danh sứ đoàn thực sự ghé qua và những địa danh tâm tưởng xuất hiện trong *Bắc hành tạp lục* mặc dù sứ đoàn không ghé thăm, người viết tự mình phác họa bản đồ lộ trình đi sứ Trung Quốc (1813-1814) của triều Nguyễn do Nguyễn Du làm chánh sứ như sau:



Từ dữ liệu trong bài báo của học giả Nguyễn Văn Hoàn và những ghi chép của nhà nghiên cứu Đào Duy Anh, căn cứ vào các địa danh xuất hiện trong tập thơ đi sứ *Bắc hành tạp lục* của Nguyễn Du, chúng tôi nhận thấy về cơ bản các địa danh được nhắc đến trong *Bắc hành tạp lục* hoàn toàn trùng khớp với lịch trình đi sứ mà sứ đoàn dừng chân ở các tỉnh thành Trung Quốc nơi có những địa danh này. Tuy nhiên, cũng có một số địa danh không nằm trong lộ trình đi sứ, ví dụ: Thiểm Tây - quê hương của Dương Quý Phi, nhưng vẫn xuất hiện nhiều trong *Bắc hành tạp lục*. Người viết tạm gọi những địa danh này là địa danh tâm tưởng. Địa danh tâm tưởng là địa danh mà nó có thể không nằm trong lộ trình các sứ thần đi qua, nhưng vì trong tâm thức các sứ thần, địa danh đó từ lâu đã trở thành một nơi mà sứ thần muốn đi qua, hoặc địa danh đó gắn liền với các nhân vật lịch sử, câu chuyện lịch sử mà sứ thần quan tâm. Do vậy, mặc dù không đi qua nhưng nó vẫn được tái hiện trong thơ một cách chân thực và sinh động. Điều đó chứng tỏ nhân vật lịch sử và địa danh lịch sử chiếm một vị trí quan trọng trong tâm thức của thi nhân họ Nguyễn. Vậy nên, chưa cần đi qua, chỉ cần có yếu tố ngoại cảnh tác động, cảnh và người cũng đi vào thơ tự nhiên như chính thi nhân đang đối diện với nó vậy.

Qua đây có thể thấy, địa danh lịch sử văn hóa trong *Bắc hành tạp lục* in dấu chân của sứ đoàn nhà Nguyễn trên mảnh đất Trung Hoa rộng lớn. Nó giúp người đọc hình dung những

gian khổ khó khăn trên hành trình đi sứ của cha ông ta ngày xưa, song cũng là nơi để Nguyễn Du bày tỏ tình cảm, đối thoại với lịch sử, với nền văn hóa đã có ảnh hưởng sâu sắc đến ông và bao lớp nhà Nho Việt Nam thời phong kiến.

3.2. Khảo sát các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục*

Trong quá trình đọc tập thơ *Bắc hành tạp lục* của Nguyễn Du, người viết nhận thấy địa danh lịch sử văn hóa trong *Bắc hành tạp lục* về cơ bản có thể chia thành ba loại: Loại 1 là các địa danh gắn liền với các nhân vật chính trị trong lịch sử Trung Hoa; loại 2 là các địa danh gắn liền với các thi nhân, các văn nhân mặc khách; và loại 3 là các địa danh gắn liền với các nhân vật nữ trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc. Dưới đây là bảng thống kê về nhân danh và địa danh Trung Quốc được nhắc đến trong tập thơ *Bắc hành tạp lục* của Nguyễn Du:

Bảng 1

Địa danh lịch sử văn hóa gắn với các nhân vật trong lịch sử Trung Hoa

STT	Các địa danh gắn với các nhân vật trong lịch sử Trung Hoa		
	Địa danh	Nhân vật	Bài thơ
1	Các địa danh gắn với nhân vật chính trị Trung Hoa	Quý Môn quan (Biên giới Việt - Trung)	Mã Viện 鬼門關
		Hồ Nam, Hồ Bắc	Tôn Quyền, Lưu Bị 楚望
		Mộ Phạm Tăng ở Từ Châu, Giang Tô	Phạm Tăng; Lưu Bang; Hạng Vũ 亞父墓
		Hứa Đô, Hà Nam	Tào Tháo 舊許都
		Đài Đồng Tước	Chu Du, Khổng Minh, Lưu Bị, Tào Tháo 銅雀臺; 周郎墓
		Thành Hàm Dương	Tần Thủy Hoàng, Kinh Kha 荊軻故里
		Trụ Đồng ¹	Mã Viện 夾城馬伏波廟
		Sông Hoài	Hàn Tín 渡淮有感淮陰侯作
		Núi Cửu Nghi, Hồ Nam	Vua Nghiêu, Vua Thuấn 帝堯廟
		Phiêu Ngu tỉnh lý Quảng Tây	Triệu Vũ đế 趙武帝故境
		Quế Lâm	Thức Trĩ ² 桂林瞿閣部
		Trường Sa	Hán Văn Đế; Giả Nghị 長沙賈太傅
		Sông Tương (Sông Mịch La)	Cao Quý 反招魂
		Chiêu Lăng	Bùi Tấn Công tức Bùi Độ 裴晉公墓
		Lâm An, Hàng châu	Nhạc Phi 岳武穆墓
		Sông Hoàng Hà	Hạ Vũ 黃河
		Tượng Tần Cối	Tần Cối 秦檜像
		Quảng Tế Hồ Bắc	Tư Mã Tương Như 廣濟記勝
		Lỗi Dương	Đỗ Phủ 耒陽杜少陵墓

¹Trụ Đồng: Truyền rằng Mã Viện sau khi thắng Hai Bà Trưng, đã dựng trụ đồng ở địa phận Quảng Tây.

²Thức Trĩ: Thức Trĩ không chịu hàng phục người Mãn Châu, vẫn để tóc dài, không chịu cạo đầu để đuôi sam.

2	Các địa danh gắn với các thi nhân, văn nhân Trung Hoa	Đầm Đào Hoa tỉnh An Huy	Lý Bạch	其一 桃花潭李青蓮舊跡
		Sông Mịch La	Khuất Nguyên	湘潭弔三閭大夫
		Lầu Hoàng Hạc	Thôi Hiệu, Lư Sinh	黃鶴樓
		Mộ Âu Dương Tu	Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tô Thức	歐陽文忠公墓
		Hồ Động Đình	Lã Đổng Tân	登岳陽樓
		Đền thờ Mạnh Tử	Mạnh Tử	孟子祠古柳
		Ngô Châu (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây)	Bạch Cư Dị	蒼梧卽事
		Lầu Trúc Hoàng Châu, Hồ Bắc	Vương Vũ Xứng	黃州竹樓
3	Các địa danh gắn liền với các tài nữ trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc	Thiểm Tây	Dương Quý Phi	楊妃故里
		Trụ Đồng	Hai Bà Trưng	夾城馬伏波廟
		Thăng Long	Ca kĩ đất Long thành	龍城琴者歌
		Ngô Châu (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây)	Nga Hoàng, Nữ Anh là hai phi tần của vua Nghiêu và vua Thuấn	蒼梧卽事

Từ bảng thống kê trên có thể thấy, các địa danh Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục* luôn gắn liền với các yếu tố, các câu chuyện lịch sử văn hóa Trung Hoa. Trong đó, các địa danh gắn liền với các nhân vật chính trị, các vị vua anh minh, các trung thần nghĩa sĩ như: Vua Nghiêu vua Thuấn, Hán Vũ Đế, Tần Thủy Hoàng, Tỉ Can, Phạm Tăng, Kinh Kha, Tôn Quyền, Lưu Bị,... chiếm số lượng nhiều. Ông cũng không quên nhắc đến các nhân vật chính trị được cho là “phản diện” hoặc còn gây ý kiến trái chiều trong vấn đề luận công tội như: Mã Viện, Tào Tháo, Tần Cối, Tần Thủy Hoàng,... Đối với các thi nhân, văn nhân tài tử, Nguyễn Du cũng dành số lượng bài thơ nhất định để đối thoại với cảnh và người. Nguyễn Du viết về các thi nhân Trung Hoa với sự đồng điệu trong tâm thức cùng những chiêm nghiệm về thân phận người tài và nghiệp văn chương. Ngoài ra, mặc dù chiếm số lượng ít, song các bài thơ viết về các nhân vật nữ của cả Việt Nam và Trung Quốc như: Ca kĩ gảy đàn hát ở đất Long Thành (Thành Thăng Long), Dương Quý Phi, Văn Cơ,... đã đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng nghệ thuật về con người của Nguyễn Du. Việc quan tâm đến số phận những người phụ nữ, viết về bi kịch của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam và Trung Quốc cho thấy thi nhân không chỉ có sự đồng cảm sâu sắc với số phận những con người nhỏ bé trong xã hội mà sự đồng cảm đó đã vượt ra khỏi ranh giới quốc gia dân tộc, hướng đến tình yêu thương con người nói chung.

4. Vai trò của các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong việc thể hiện góc nhìn của Nguyễn Du về các nhân vật lịch sử Trung Quốc

4.1. Địa danh văn hóa lịch sử gắn liền với các nhân vật chính trị lịch sử Trung Quốc

Các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục* không chỉ là những điểm dừng chân trên bản đồ hành trình đi sứ của Nguyễn Du mà còn thực sự trở thành những không gian đối thoại sống động, nơi nhà thơ tương tác mạnh mẽ với quá khứ, với những nhân vật lịch sử, với những trăn trở về chữ *trung*, lòng trung giữa những cuộc thay chủ đổi ngôi của sơn hà. Đến mộ Tỉ Can, một bậc trung thần thời Ân Trụ bị moi tim vì can vua, Nguyễn Du không chỉ

xót thương cho một tấm lòng trung liệt mà còn đặt ra những câu hỏi nhức nhối về giá trị của lòng trung trong một thể chế chuyên quyền tàn bạo. Địa danh “Tĩ Can mộ” trong bài thơ cùng tên trở thành không gian để Nguyễn Du đối thoại với một bi kịch điển hình của kẻ sĩ trung thần:

<i>Phiên âm</i> 七竅有心安避剖， 一丘遺殖盡成人。 目中所觸能無淚， 地下同遊可有人。	Thất khiếu hữu tâm an tị phẫu, Nhất khâu di thực tận thành nhân. Mục trung sở xúc năng vô lệ, Địa hạ đồng du khả hữu nhân. <i>Dịch nghĩa</i> Có trái tim bảy lỗ thì sao không khỏi bị mổ? (Này đây) một gò cây cỏ thành bậc nhân Trông tận mắt, có thể nào không rơi nước mắt Ở dưới đất có người có thể làm bạn đồng tâm.
--	--

Câu hỏi tu từ cuối bài thơ “地下同遊可有人?” (*Địa hạ đồng du khả hữu nhân?*) như một tiếng thở dài, một sự kiếm tìm đồng vọng với những người cùng cảnh ngộ, dù cách biệt ngàn năm. Nguyễn Du dường như đang tự vấn, đang đối thoại với chính những trăn trở của mình về lẽ đời và sự cô đơn của người giữ tròn khí tiết. Khi đi qua Đồng Tước đài, công trình kiến trúc gắn liền với tên tuổi Tào Tháo, Nguyễn Du không chỉ nhìn thấy sự xa hoa một thời mà còn cảm nhận sâu sắc sự phù du của quyền lực và bi kịch của những tham vọng lớn lao. Địa danh này trở thành nơi nhà thơ đối thoại với một nhân vật lịch sử phức tạp, vượt lên trên những đánh giá khen chê thông thường: “人間勳業若長在，此地高臺應未傾。” (*Nhân gian huân nghiệp nhược trường tại, Thử địa cao đài ứng vị khuynh*; Dịch nghĩa: *Nghịệp lớn ở đời nếu còn mãi, Thì toà đài cao ở đất này đã chưa đổ*). Nguyễn Du không chỉ thấy một Tào Tháo gian hùng mà còn thấy một con người với những nỗi niềm riêng, những trăn trở về sự hữu hạn của đời người trước sự vĩnh cửu của thời gian. Cuộc đối thoại này giúp Nguyễn Du thể hiện một cái nhìn đa chiều, sâu sắc về bản chất của quyền lực và những bi kịch không thể tránh khỏi của những kẻ theo đuổi nó.

4.2. Địa danh văn hóa lịch sử gắn liền với các thi nhân cổ Trung Hoa

Nguyễn Du, một tài năng văn chương kiệt xuất, luôn mang trong mình một sự kính trọng và đồng cảm đặc biệt với các bậc thi nhân tiền bối Trung Hoa. Đi sứ là dịp để ông viếng thăm lăng mộ đền đài, đối thoại sâu sắc về nghiệp văn, về nỗi khổ của người tài và bi kịch của kiếp tầm nhạ tở. Viếng mộ Đỗ Phủ ở Lôi Dương, Nguyễn Du không chỉ bày tỏ sự ngưỡng mộ với một “thi thánh” mà còn thấu hiểu sâu sắc những nỗi đau, sự cô đơn và những nghịch lý trong cuộc đời của bậc đại thi hào này. Địa danh “Lôi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ” trở thành nơi Nguyễn Du đối thoại với một tâm hồn lớn, một bi kịch điển hình của người làm thơ: “天古文章天古師，平生佩服未常離。” (*Thiên cổ văn chương thiên cổ si (sư), Bình sinh bội phục vị thường ly*; Dịch nghĩa: *Văn chương lưu muôn đời, bậc thầy muôn đời; Bình sinh bái phục không lúc nào ngớt*). Nguyễn Du không chỉ khóc thương cho Đỗ Phủ mà còn như đang khóc thương cho chính mình.

Đến sông Mịch La, nơi Khuất Nguyên trầm mình, Nguyễn Du đã có những cuộc đối thoại sâu sắc với bậc đại thi hào này. Địa danh “Mịch La” trở thành không gian để Nguyễn Du thể hiện sự đồng cảm với nỗi oan khuất, sự cô đơn của một tâm hồn “độc tỉnh” và những trăn trở về lẽ đời đen bạc: “千古誰人憐獨醒，四方何處托孤忠。” (*Thiên cổ thủy nhân liên độc tỉnh, Tứ phương hà xứ thác cô trung?*; Dịch nghĩa: *Ngàn năm trước ai hiểu người tỉnh một mình, Bốn phương lòng trung biết gửi nơi nào?*).

Khi đứng trước Lầu Hoàng Hạc, một địa danh nổi tiếng gắn liền với thi ca, Nguyễn Du không chỉ miêu tả cảnh vật mà còn day dứt với những suy tư về sự trôi chảy của thời gian và sự hữu hạn của kiếp người:

黃鶴樓

何處神仙經幾時，猶留仙跡此江湄？
今來古往廬生夢，鶴去樓空崔顥詩。
檻外煙波終渺渺，眼中草樹尚依依。
衷情無限憑誰訴，明月清風也不知。

Phiên âm

Hoàng Hạc lầu

Hà xứ thần tiên kinh kỷ thì, Do lưu tiên tích thử giang mi?
Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng, Hạc khứ lầu không Thôi Hiệu thi.
Hạm ngoại yên ba chung điều điều, Nhân trung thảo thụ thượng y y.
Trung tình vô hạn bằng thủy tổ, Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

Dịch nghĩa

Thần tiên đã đi đâu từ bao đời xưa,
Mà nay vẫn còn lưu dấu ở bên sông này?
Việc mới đến, việc cũ qua như giấc mộng của chàng thư sinh họ Lư,
Hạc đã bay đi mất, lầu chỉ còn lại bài thơ của Thôi Hiệu.

Nguyễn Du như đang đối thoại với Thôi Hiệu về sự hữu hạn của kiếp người và sự vĩnh cửu của nghệ thuật. Cuộc đối thoại này thể hiện một sự kính trọng sâu sắc của Nguyễn Du đối với di sản văn chương và những trăn trở của một người cầm bút: “今來古往廬生夢，鶴去樓空崔顥詩，衷情無限憑誰訴，明月清風也不知。” (*Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng, Hạc khứ lầu không Thôi Hiệu thi. Trung tình vô hạn bằng thủy tổ, Minh nguyệt thanh phong dã bất tri*). Sự “也不知” (đã bất tri – đâu hiểu được) của trăng trong gió mát dường như cũng là nỗi niềm của Nguyễn Du, một sự cô đơn trong hành trình sáng tạo và kiếm tìm ý nghĩa của cuộc đời.

Thông qua lầu Hoàng Hạc, Nguyễn Du đã gọi nhắc đến bao nhân vật, bao câu chuyện trong lịch sử Trung Hoa như: giấc mộng của chàng thư sinh họ Lư; Thôi Hiệu tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng... Có thể thấy, vai trò của các địa danh vượt lên trên chức năng định vị không gian đơn thuần để trở thành một phương tiện quan trọng trong việc kiến tạo ý nghĩa và biểu đạt tư tưởng của tác phẩm.

5. Kết luận

Qua những phân tích và chiêm nghiệm từ các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục*, có thể khẳng định rằng chúng không chỉ là những tọa độ địa lý đơn thuần trên hành trình đi sứ của Nguyễn Du. Thay vào đó, các địa danh này đã được đại thi hào tiếp nhận và tái tạo một cách sáng tạo, trở thành không gian nghệ thuật đa chiều, mang trong mình tầng sâu ý nghĩa về lịch sử, văn hóa và thân phận con người. Từ các lăng mộ cổ kính, “có lý” nhuộm màu thời gian đến những đền đài, thành quách ghi dấu những biến thiên lịch sử, mỗi địa danh đều trở thành điểm tựa để Nguyễn Du thực hiện những cuộc đối thoại sâu sắc với quá khứ, với các nhân vật lịch sử - văn hóa và với chính những trăn trở sâu kín trong tâm hồn mình.

Vai trò của các địa danh lịch sử văn hóa Trung Quốc trong *Bắc hành tạp lục* cũng đa dạng và ý nghĩa. Chúng không chỉ kiến tạo nên một không gian nghệ thuật đặc thù, nhuộm màu hoài cổ và suy tư, mà còn là phương tiện để Nguyễn Du ký thác những bi kịch thời cuộc, những

nỗi niềm ưu thời mẫn thế và những chiêm nghiệm sâu sắc về lẽ hưng vong của các triều đại, về sự mong manh của kiếp người trước dòng chảy nghiệt ngã của lịch sử. Đặc biệt, các địa danh gắn liền với các nhân vật chính trị và các bậc thi nhân tiền bối đã trở thành nơi Nguyễn Du tìm thấy sự đồng vọng, soi chiếu thân phận và đối thoại về những vấn đề muôn thuở của kẻ sĩ, của người tài và của nghiệp văn chương. Qua đó, các địa danh không chỉ là “chứng nhân” của lịch sử mà còn là “chứng nhân” cho những cung bậc cảm xúc, những diễn biến phức tạp trong thế giới nội tâm của nhà thơ.

Việc nghiên cứu địa danh còn giúp chúng ta tiến gần hơn đến thế giới tình cảm phong phú, phức tạp và đầy trăn trở của Nguyễn Du. Hơn thế, điều này còn góp phần soi chiếu rõ hơn bối cảnh lịch sử - văn hóa của thời đại mà Nguyễn Du sống, cũng như mối quan hệ giao lưu văn hóa phức tạp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cách Nguyễn Du tiếp nhận và phản tư về lịch sử, văn hóa Trung Hoa qua các địa danh cho thấy một tầm nhìn sắc sảo, một sự am hiểu sâu rộng và một bản lĩnh văn hóa vững vàng của một trí thức lỗi lạc trong lịch sử dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Dao, D. A. (1988). *Nguyen Du's Chinese-character poetry*. Literature Publishing House.
- Le, T. V. (1957). *Nguyen Du's Travels to the North*. Social Sciences and Humanities Publishing House.
- Li, X. Z. (1991). Reflections on Reading Vietnamese Poet Nguyen Du's Poetry Collection “Travels to the North”. *Southeast Asian Studies*, 1, 97-106.
- Mai, Q. L. (1996). *The complete works of Nguyễn Du*. Literature Publishing House.
- Nguyen, D. (n.d). *Travels to the North*. Manuscript no. VL-LC26, Institute of Han-Nom Studies, Vietnam.
- Nguyen, H. C. (1996). *The complete works of Nguyễn Du (Vol. 2)*. Literature Publishing House.
- Nguyen, T. N. (2006). The movement in Nguyen Du's artistic thought. *Journal of Literary Studies*, 5, 34–45. <https://nguivan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAn-c%E1%BB%A9u/V%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-Vi%E1%BB%87t-Nam-trung-%C4%91%E1%BA%A1i/p/su-van-dong-trong-tu-tuong-nghe-thuat-nguyen-du-qua-nhung-bai-tho-tu-thuat-298>
- Nguyen, V. H. (1964). Introduction to Some Newly Collected Materials on Nguyen Du from China. *Journal of Literature*, 11, 46-47.
- Tran, D. S. (2007). *The poetics of Nguyễn Du*. Education Publishing House, Hanoi.
- Tran, N. T. (2010). *Vietnamese medieval literature from a cultural perspective*. Vietnam Education Publishing